

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU CƠ BẢN THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
DO QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA TÀI TRỢ, BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2019 (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản lý
Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia)*

Tổng số: 37 đề tài

| TT | Mã số | Tên đề tài | Chủ nhiệm đề tài | Tổ chức chủ trì | Thời gian thực hiện (tháng) |
|---|----------------|---|----------------------------------|--|------------------------------------|
| 504; 506; 507; 603 LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC, CHÍNH TRỊ HỌC, XÃ HỘI HỌC (04 đề tài) | | | | | |
| 1 | 504.01-2019.01 | Đặc điểm và sự biến đổi sinh hoạt tôn giáo của người Công giáo di cư trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay (*) | PGS.TS Hoàng Thu Hương | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 2 | 506.01-2019.02 | Cạnh tranh chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Đông Nam Á từ năm 1991 đến năm 2020 | TS Võ Xuân Vinh | Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |
| 3 | 506.01-2019.03 | An ninh phi truyền thống ở biển Đông hiện nay - Thực trạng và những vấn đề đặt ra ở Việt Nam (*) | TS Nguyễn Xuân Cường | Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |
| 4 | 603.05-2019.01 | Sự tương tác giữa hoạt động tôn giáo với hoạt động kinh tế ở khu vực Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay (*) | PGS.TS Ngô Thị Phương Lan | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | 24 |

| TT | Mã số | Tên đề tài | Chủ nhiệm đề tài | Tổ chức chủ trì | Thời gian thực hiện (tháng) |
|--|----------------|---|-----------------------------------|---|------------------------------------|
| 502; 507.02 NGÀNH KINH TẾ HỌC (22 đề tài) | | | | | |
| 1 | 502.02-2019.22 | Nghiên cứu cơ hội và điều kiện để xuất khẩu giáo dục đại học và cao đẳng Việt Nam thông qua việc thu hút sinh viên quốc tế: sử dụng cách tiếp cận Bayesian | TS. Phạm Hùng Hiệp | Trường Đại học dân lập Phú Xuân | 24 |
| 2 | 502.99-2019.20 | Xác định vai trò của các đầu mối logistics nội địa trong việc giảm tổng chi phí logistics | TS. Nguyễn Cảnh Lam | Trường Đại học Hàng hải Việt Nam | 24 |
| 3 | 502.01-2019.25 | Ứng dụng các mô hình kinh tế lượng không gian nghiên cứu sự phân bố không gian của đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trường hợp ASEAN và Việt Nam | TS. Hoàng Hồng Hiệp | Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |
| 4 | 502.02-2019.16 | Năng suất dịch vụ du lịch hướng tới sự hài lòng khách hàng và phát triển bền vững: Cơ sở lý luận và mô hình phân tích | PGS.TS Nguyễn Hoàng | Trung tâm Nghiên cứu Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 5 | 502.01-2019.19 | Hoạt động mua ngoài, năng suất yếu tố tổng hợp, và cầu lao động: Minh chứng từ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam | TS. Phạm Thị Bích Ngọc | Trường Đại học Hoa Sen | 24 |
| 6 | 502.02-2019.14 | Nghiên cứu về quan hệ công-tư trong việc thúc đẩy sự phát triển của hệ thống Điểm Bru điện-Văn hoá xã tại Việt Nam | TS. Đỗ Mạnh Thái | Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông | 24 |
| 7 | 502.02-2019.24 | Đổi mới sáng tạo xanh trong các doanh nghiệp Việt Nam | TS. Trương Thị Ngọc Thuyền | Trường Đại học Đà Lạt | 36 |
| 8 | 502.01-2018.18 | Mở khóa khoảng cách giữa rào cản nhận thức và rào cản thực tế đến hành vi và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Vai trò hỗ trợ của chính phủ đối với DNNVV | TS. Vũ Thị Hồng Nhung | Trường Đại học Việt Đức | 24 |

| TT | Mã số | Tên đề tài | Chủ nhiệm đề tài | Tổ chức chủ trì | Thời gian thực hiện (tháng) |
|-----------|----------------|---|-----------------------------------|--|------------------------------------|
| 9 | 502.02-2019.17 | Nghiên cứu ảnh hưởng của các hoạt động xúc tiến xanh của doanh nghiệp đến hành vi tiêu dùng xanh của khách hàng | TS. Trần Thị Bích Hạnh | Trường Đại học Việt - Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 10 | 502.02-2019.12 | Áp dụng hệ thống làm việc hiệu suất cao trong các doanh nghiệp ở Việt Nam: điều kiện và lợi ích. | TS. Trần Huy Phương | Khoa Quản trị và Kinh doanh - Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 11 | 502.01-2019.15 | Nghiên cứu áp dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: trường hợp Ấn Độ và Việt Nam | TS. Đặng Thái Bình | Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |
| 12 | 502.01-2019.11 | Di cư lao động chất lượng cao của ASEAN và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | PGS.TS Phạm Thị Thanh Bình | Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |
| 13 | 502.01-2019.06 | Những yếu tố nào ảnh hưởng đến ô nhiễm không khí? Bằng chứng thực nghiệm mới từ dữ liệu toàn cầu | TS. Lê Thái Hà | Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong | 24 |
| 14 | 502.02-2019.07 | Quản trị nguồn nhân lực xanh và kết quả hoạt động liên quan đến môi trường của doanh nghiệp: Trường hợp Việt Nam | PGS.TS Nguyễn Ngọc Thắng | Khoa Quản trị và Kinh doanh - Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 15 | 502.01-2019.18 | Tài chính bao trùm và Trách nhiệm xã hội của ngành ngân hàng tại Việt Nam | TS. Vân Thị Hồng Loan | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh | 24 |
| 16 | 502.02-2019.13 | Những thách thức trong quản trị thanh khoản, ổn định tài chính, cơ chế quản lý tài chính ở các nước châu Á | PGS.TS Phạm Hữu Hồng Thái | Trường Đại học Tài chính - Marketing | 24 |
| 17 | 502.01-2019.05 | Vai trò của bảo hiểm xã hội trong cải thiện đầu ra của thị trường lao động và tăng cường quan hệ lao động công nghiệp | TS. Nguyễn Kiều Dung | Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |

| TT | Mã số | Tên đề tài | Chủ nhiệm đề tài | Tổ chức chủ trì | Thời gian thực hiện (tháng) |
|---|----------------|---|-------------------------------|--|------------------------------------|
| 18 | 502.02-2019.10 | Chính sách tiền tệ mở rộng và quyết định tài chính của doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi | TS. Trần Quốc Trung | Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và đào tạo | 24 |
| 19 | 502.01-2019.02 | Toàn cầu hóa, Biến đổi khí hậu và các tác động | TS. Lương Tuấn Anh | Viện Nghiên cứu Kinh tế, Môi trường và Khoa học dữ liệu | 24 |
| 20 | 502.01-2019.01 | Những tác động của sự dịch chuyển nguồn lực sinh viên quốc tế đến phát triển tại các nước đang phát triển (*) | TS. Lê Quang Thanh | Viện Nghiên cứu Kinh tế, Môi trường và Khoa học dữ liệu | 24 |
| 21 | 502.02-2019.03 | Các yếu tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh của doanh nghiệp xã hội - Trường hợp Việt Nam (*) | PGS.TS Phạm Xuân Lan | Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và đào tạo | 24 |
| 22 | 502.01-2019.04 | Hội tụ thu nhập theo lãnh thổ tại Việt Nam: Phân tích với dữ liệu cấp tỉnh | TS. Lê Thanh Tùng | Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh | 24 |
| 505 NGÀNH LUẬT HỌC (01 ĐỀ TÀI) | | | | | |
| 1 | 505.99-2019.01 | Giải thích và áp dụng Công ước của Liên Hiệp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) tại Việt Nam | TS. Nguyễn Minh Hằng | Trường Đại học Ngoại thương, Bộ Giáo dục và đào tạo | 24 |
| 504.04; 604. LIÊN NGÀNH SỬ HỌC, KHẢO CỔ HỌC, DÂN TỘC HỌC (01 ĐỀ TÀI) | | | | | |
| 1 | 601.01-2019.01 | Hoạt động cầu phong, triều cống Trung Quốc của Đại Việt giai đoạn 1600 - 1785 (*) | TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 24 |
| 501; 503 LIÊN NGÀNH TÂM LÝ HỌC, GIÁO DỤC HỌC (05 ĐỀ TÀI) | | | | | |
| 1 | 501.02-2019.04 | Nghiên cứu khó khăn tâm lý của phụ nữ bị buôn bán qua biên giới trở về | TS. Lưu Song Hà | Học viện Phụ nữ Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | 24 |

| TT | Mã số | Tên đề tài | Chủ nhiệm đề tài | Tổ chức chủ trì | Thời gian thực hiện (tháng) |
|--|----------------|---|--------------------------------------|--|------------------------------------|
| 2 | 503.01-2019.03 | Xây dựng mô hình đánh giá năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội | PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn | Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 3 | 501.01-2019.03 | Khó khăn tâm lý của các cặp vợ chồng hiếm muộn con | TS. Trương Quang Lâm | Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội | 24 |
| 4 | 501.02-2019.02 | Ứng phó với quấy rối tình dục của trẻ vị thành niên ở Việt Nam (*) | TS. Phạm Văn Tư | Trung tâm Đào tạo và phát triển giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 24 |
| 5 | 503.01-2019.01 | Tích hợp giáo dục đạo đức kỹ thuật vào trong chương trình đào tạo kỹ sư trình độ đại học tại Việt Nam | TS. Nguyễn Văn Hạnh | Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên | 24 |
| 602 LIÊN NGÀNH VĂN HỌC, NGÔN NGỮ HỌC (03 ĐỀ TÀI) | | | | | |
| 1 | 602.02-2019.02 | Tầm nguyên, khảo luận hệ thống yếu tố Hán Việt trong tiếng Việt và xây dựng phần mềm tra cứu. (*) | PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Chung | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | 24 |
| 2 | 602.05-2019.01 | Nghiên cứu nguồn tư liệu Hán Nôm về người Hoa ở Việt Nam từ thế kỷ XVII - đầu XX | PGS.TS Đinh Khắc Thuân | Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |
| | 602.99-2019.03 | Khảo cứu tư liệu Hán Nôm về nguồn gốc và vai trò của Thần Nông. (*) | TS. Vương Thị Hường | Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 36 |
| 508; 604; 602.07; 602.08; 602.09 LIÊN NGÀNH VĂN HÓA HỌC, NGHỆ THUẬT, TT ĐẠI CHÚNG VÀ TRUYỀN THÔNG (01 ĐỀ TÀI) | | | | | |
| 1 | 602.07-2019.04 | Tái cấu trúc văn hóa của cư dân vùng biên trong bối cảnh phát triển thương mại Việt Nam – Trung Quốc | PGS.TS Nguyễn Thị Phương Châm | Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam | 24 |

(*): Đề tài được điều chỉnh tên theo kiến nghị của HĐKH.

Danh sách có 37 đề tài./.